

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345/2023/DS-ST
Ngày 21-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 807/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Trụ sở A, 3, 4, 5, 6 Toà nhà T, số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thúy V – Chuyên viên xử lý nợ, Chi nhánh C (Văn bản ủy quyền số 588/2022/QĐ-LienVietPostBank.CM ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Chi nhánh); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Thúy V trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Út E phát sinh dư nợ tại Ngân hàng TMCP B Chi nhánh C, như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 06 tháng 11 năm 2019, ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Út E có đề nghị vay số tiền 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Ngày 08 tháng 11 năm 2019, bên vay vốn đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD930201900495 với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh C. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền cho vay 200.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn cho vay 60 tháng; lãi suất tiền vay 13%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định ngân hàng; lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả nợ lãi hàng tháng; trả nợ gốc hàng tháng. Ông Ú, bà E đã nhận nợ theo khế ước nhận nợ số 930201900495/01, ngày 08 tháng 11 năm 2019 với số tiền là 200.000.000 đồng. Kể từ khi nhận nợ ngày đến ngày 29 tháng 11 năm 2022 ông Ú, bà E đã trả được số tiền gốc và lãi, cụ thể: Tiền gốc đã trả 63.327.000 đồng, tiền lãi đã trả 38.679.233 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 16 tháng 11 năm 2020, ông Nguyễn Văn Ú có đề nghị vay số tiền 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Ngày 18 tháng 11 năm 2020, bên vay vốn đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD930202000925 với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh C. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho vay tiếp theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền cho vay 20.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất tiền vay 13%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định ngân hàng; lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc được tự động trả ngay khi tài khoản thanh toán của khách hàng phát sinh giao dịch ghi có; nợ lãi tự động hoạch toán thu nợ và phí phát sinh (nếu có) vào ngày cuối tháng. Kể từ khi nhận nợ ngày đến ngày 29 tháng 11 năm 2022 ông Ú, bà E đã trả được số tiền gốc và lãi, cụ thể: Tiền gốc đã trả 20.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 501.567 đồng.

Tuy bên vay vốn đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp, Ngân hàng đã thực hiện đôn đốc, kéo dài thời gian khởi kiện để tạo điều kiện cho bên vay vốn có thời gian thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nhưng bên vay vốn vẫn chưa thanh toán được khoản nợ vay tại Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giả quyết buộc ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Út E thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21 tháng 9 năm 2023 là 198.867.112 đồng. Buộc ông Ú và bà E phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với L kể từ sau 21 tháng 9 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn Ú trình bày: Ông thống nhất với thông tin khoảng nợ như nguyên đơn trình bày. Đây là nợ chung của vợ chồng ông và bà Út E. Ông đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay như nguyên đơn trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi

đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà bị đơn ông Ú thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Út E không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú và bà Nguyễn Thị Út E trả số tiền đã vay nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng ông Ú, bà Út E cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết lợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Út E vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Út E.

[3] Xét yêu cầu trả nợ Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, ông Ú thừa nhận vợ chồng ông có vay mượn của Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số HDTD930201900495, ngày 08 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số HDTD930202000925, ngày 18 tháng 11 năm 2020. Căn cứ nội dung hợp đồng cũng như lịch sử trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng, tính đến ngày 21 tháng 9 năm 2023, vợ chồng ông Ú, bà Ú em còn nợ số tiền 198.867.112 đồng bao gồm nợ khoản vay thứ nhất theo hợp đồng tín dụng HDTD930201900495 197.873.764 đồng, trong đó tiền nợ gốc 136.673.000 đồng, tiền nợ lãi 21.413.563 đồng, tiền lãi quá hạn 39.787.201 đồng; khoản vay thứ hai theo hợp đồng tín dụng HDTD930202000925 993.348 đồng trong đó tiền nợ gốc 0 đồng, tiền nợ lãi 322.499 đồng, tiền lãi quá hạn 670.849 đồng. Tại phiên tòa, ông Ú thừa nhận còn nợ số tiền trên. Nhận thấy vợ chồng ông Ú, bà Út E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã giao kết nên áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, vợ chồng ông Ú, bà Út E phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số nợ tính đến ngày 21 tháng 9 năm 2023 như Ngân hàng yêu cầu.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông Ú, bà Út E phải chịu 198.867.112 đồng x 5% = 9.943.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Út E trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 198.867.112 (một trăm chín mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười hai) đồng, bao gồm.

Nợ theo hợp đồng tín dụng HDTD930201900495, ngày 08 tháng 11 năm 2019 số tiền 197.873.764 (một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, trong đó tiền nợ gốc 136.673.000 (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, tiền nợ lãi trong hạn 21.413.563 (hai mươi một triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng, tiền lãi quá hạn 39.787.201 (ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm lẻ một) đồng.

Nợ theo hợp đồng tín dụng HDTD930202000925, ngày 18 tháng 11 năm 2020 số tiền 993.348 (chín trăm chín mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi tám) đồng; trong đó tiền nợ gốc 0 (không) đồng, tiền nợ lãi 322.499 (ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi chín) đồng, tiền lãi quá hạn 670.849 (sáu trăm bảy mươi nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Út E còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cam kết tại hợp đồng tín dụng số HDTD930201900495, ngày 08 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng tín dụng số HDTD930202000925, ngày 18 tháng 11 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ú, bà Nguyễn Thị Út E phải chịu 9.943.000 (chín triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 4.316.000 (bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005960 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thờ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp